TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2024/DS-PT Ngày 31- 01 - 2024. V/v: "TrAh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Bích Thủy

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 198/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 212/2023/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 9, phường CPH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

** Bị đơn:*

1. Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1979. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố PC, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Trần Hòa A, sinh năm: 1975. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố PC, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Hòa A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D trình bày:

Do mối quA hệ quen biết nên vào ngày 28 tháng 3 năm 2021, bà D có cho vợ chồng bà H, ông A vay số tiền là: 700.000.000 đồng. Vợ chồng bà H vay tiền của bà D để xử lý công việc cá nhân, không tính lãi, vay không thế chấp tài sản. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền. Thời hạn trả tiền là:

- Ngày 30 tháng 4 năm 2021, bà H, ông A trả bà D số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30 tháng 5 năm 2021, bà H, ông A trả bà D số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30 tháng 6 năm 2021, bà H, ông A trả bà D số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30 tháng 7 năm 2021, bà H, ông A trả bà D số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30 tháng 8 năm 2021, bà H, ông A trả bà D số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30 tháng 9 năm 2021, bà H, ông A trả bà D số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30 tháng 10 năm 2021, bà H, ông A trả bà D số tiền 100.000.000 đồng.

Đến hạn trả tiền bà D đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông A phải trả tiền nhưng ông bà vẫn không thực hiện.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị H, ông Trần Hòa A phải trả cho bà D số tiền nợ gốc đã vay là 700.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại bản lời khai ngày 30 tháng 6 năm 2022, bị đơn ông Trần Hòa A, bà Hồ Thị H trình bày:

Vợ chồng ông A thống nhất với bà D về số tiền vay, ngày vay, thời hạn trả tiền. Sau khi vay tiền vợ chồng ông A đã trả cho bà D nhiều lần với tổng số tiền 119.000.000 đồng (trong số nợ 700.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà D. Vợ chồng ông A đồng ý trả cho bà D số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 581.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D.

Bà Hồ Thị H phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền nợ gốc đã vay là 310.500.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Trần Hòa A phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền nợ gốc đã vay là 310.500.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 29/9/2023, bị đơn ông Trần Hòa A có đơn kháng cáo cho rằng ông đã trả cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền 119.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ công nhận ông trả cho bà D số tiền 79.000.000 đồng, do đó đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận số tiền ông đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 119.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm đã tuyên.

Bị đơn: kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Hòa A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả trAh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của bị đơn ông Trần Hòa A theo thủ tục phúc thẩm nên thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Hòa A, thấy rằng:

Ngày 28/3/2021, bà Trần Thị H vay số tiền 700.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị Kim D thể hiện thông qua giấy vay tiền. Tại đây các bên thỏa thuận, vào ngày 30/4/2021 bà H trả 100.000.000 đồng và các ngày 30/5; 30/6; 30/7; 30/8; 30/9; 30/10/2021 có trách nhiệm trả mỗi tháng 100.000.000 đồng cho bà D. Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Hòa A, bà Trần Thị H thừa nhận số tiền vay của nguyên đơn là 700.000.000 đồng. Ông A, bà H thừa nhận đây là khoản nợ chung của hai người.

Bà D cho rằng từ khi vay tiền đến nay phía nguyên đơn chưa trả cho bà số tiền nào và yêu cầu ông A, bà H phải trả cho bà số tiền 700.000.000 đồng. Còn ông A, bà H cho rằng ông bà đã trả cho bà D tổng số tiền 119.000.000 đồng, trong đó có 79.000.000 đồng chuyển qua số tài khoản 050044123271 của bà Huỳnh Thị Kim D và 40.000.000 đồng tiền mặt. Bà D cho rằng số tiền 79.000.000 đồng là số tiền trả cho khoản vay khác còn số tiền 40.000.000 đồng như phía bị đơn trình bày là không có. Xét thấy, ngày 04 tháng 5 năm 2021 bà H chuyển khoản trả cho bà D số tiền là: 35.000.000 đồng, ngày 12 tháng 5 năm 2021 bà H chuyển khoản trả cho bà D số tiền là: 14.000.000 đồng, ngày 06 tháng 4 năm 2022 ông A chuyển khoản trả cho bà D số tiền là: 30.000.000 đồng, tổng cộng là 79.000.000 đồng. Bà D cho rằng đây là số tiền trả cho khoản vay khác nhưng bà không đưa được các chứng cứ chứng minh cho khoản vay bà trình bày, đối với số tiền 40.000.000 đồng ông A cho rằng đưa trực tiếp cho bà D, việc này bà D không thừa nhận, ông A không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 79.000.000 đồng và buộc các bị đơn ông Trần Hòa A, bà Trần Thị H mỗi người phải trả cho nguyên đơn số tiền 310.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hòa A không cung cấp được các tài liệu chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị H phải chịu là: 15.525.000 đồng (mười năm triệu năm trăm hai năm nghìn đồng). Ông Trần Hòa A phải chịu là: 15.525.000 đồng (mười năm triệu năm trăm hai năm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Kim D phải chịu là 3.950.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) theo biên lai thu số: 0004370, ngày 19 tháng 5 năm 2022. Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố ĐX hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền là: 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Hòa A không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Hòa A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ vào các điều 280, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D;

Buộc Bà Hồ Thị H phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền nợ gốc đã vay là: 310.500.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc Ông Trần Hòa A phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền nợ gốc đã vay là: 310.500.000 đồng (ba trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày thỏa thuận có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị H phải chịu là: 15.525.000 đồng (mười năm triệu năm trăm hai năm nghìn đồng). Ông Trần Hòa A phải chịu là: 15.525.000 đồng (mười năm triệu năm trăm hai năm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Kim D phải chịu là 3.950.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) theo biên lai thu số: 0004370, ngày 19 tháng 5 năm 2022. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐX hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền là: 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Hòa A phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005169 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

3. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân TP ĐX;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP ĐX;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Hùng